

Bản án số: 10/2022/DS - PT
Ngày: 28 - 7- 2022
*V/v Tranh chấp quyền sử dụng
đất*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông V Dũng
Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Hải
Bà Nguyễn Thị Thu Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Mạnh Tú - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 05/2021/TLPT - DS, ngày 25 tháng 5 năm 2022, về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXPT - DS ngày 12 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đinh Thị B (Đinh Thị BY)

Địa chỉ: Tổ dân phố TT, thị trấn ST, huyện VC, tỉnh Yên Bái; (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Đinh Tiến Th và bà Đinh Thị H

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố ĐB, thị trấn ST, huyện VC, tỉnh Yên Bái; (có mặt).

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Vũ Thị H1; địa chỉ: Tổ dân phố ĐB, thị trấn ST, huyện VC, tỉnh Yên Bái; (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Thiên H2, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ dân phố HS, thị trấn ST, huyện VC, tỉnh Yên Bái; (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1957; địa chỉ: Tổ dân phố TT, thị trấn ST, huyện VC, tỉnh Yên Bái; (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ dân phố ĐB, thị trấn ST, huyện VC, tỉnh Yên Bái; (vắng mặt).

+ Ông Đinh Công C, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ dân phố TH01, thị trấn ST, huyện VC, tỉnh Yên Bái; (Vắng mặt).

4. Người làm chứng: Ông Hà Đình Ngh, sinh năm 1947; địa chỉ: Tổ dân phố P 02, thị trấn ST, huyện VC, tỉnh Yên Bái; (vắng mặt).

Người kháng cáo là nguyên đơn bà Đinh Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm bà Đinh Thị B trình bày:

Ông Đinh Tiến Th và bà Đinh Thị H có thửa đất tại thôn ĐB, xã ST (nay là tổ dân phố ĐB, thị trấn ST) có chiều phía trước giáp mặt đường giáp Quốc lộ 32, phía sau giáp ruộng, một mặt giáp gia đình ông Trần Ích N1 và bà Vũ Thị H1 và một mặt giáp đất của gia đình ông T1. Nguồn gốc thửa đất này trước đây là kho của hợp tác xã ĐB, xã ST. Khoảng năm 1980 hoặc 1981 ông Đinh Tiến Th và bà Đinh Thị H đến ở. Năm 1987 vợ chồng ông Th chuyển nhượng cho bà Đinh Thị B một phần đất tại thôn ĐB, xã ST phía trước giáp Quốc lộ 32 với chiều dài mặt đường là 15,4 m, phía sau giáp ruộng, thửa đất có chiều sâu hơn 52m. Một mặt tiếp giáp với đất của gia đình ông N1 bà H1 và một mặt giáp đất của gia đình ông Th. Năm 1988 bà B đi xuất khẩu lao động tại Đức, năm 1991 về nước thì trả tiền và nhận chuyển nhượng đất của vợ chồng ông Th với số tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng. Số tiền này được bà B đưa nhiều lần để ông Th xây nhà, đào ao. Việc chuyển nhượng đất và giao tiền giữa ông Th, bà H với bà B không được lập thành văn bản mà chỉ nói miệng giữa ba người với nhau, không có người chứng kiến.

Năm 1995 ông Th làm ăn thất thoát, nợ nần nhiều nên đã tiếp tục chuyển nhượng cho bà B hai cái ao phía sau nhà ông Th. Cũng trong năm 1995, bà B có nhờ ông Th làm thủ tục thế chấp cho Ngân hàng nông nghiệp huyện VC diện tích đất ông Th chuyển nhượng cho trước đó và phần đất có hai cái ao phía sau nhà ông Th với diện tích 2.000 m² và một ngôi nhà gỗ ba gian để vay 4.000.000 đồng.

Năm 1997 vợ chồng ông Th bị Ngân hàng nông nghiệp huyện VC tịch biên tài sản thế chấp nên bà B có cho vợ chồng ông Th ở nhờ trên mảnh đất đã chuyển nhượng cho bà. Năm 1997 Ban giải phóng mặt bằng xây dựng huyện VC đã lập biên bản kiểm kê đất của bà B tại thôn ĐB với diện tích là 240 m². Bà B đã ký vào biên bản để làm dự toán đền bù chứ chưa kiểm tra thực địa. Khi giải tỏa làm đường nhánh 9 thì bà B không có ở nhà, không được đền bù hai cái ao. Bà Đinh Thị B biết việc ông Đinh Công C đứng tên kê khai và được đền bù hai cái ao mà ông Th đã để lại cho bà nhưng bà cũng không khiếu nại gì. Thửa đất vợ chồng ông Th chuyển nhượng cho bà B năm 1987 thì bị Nhà nước thu hồi và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chợ ST nhưng bà B chưa được đền bù.

Năm 2001 khi giải tỏa để nâng cấp Quốc Lộ 32 thì ông Th tự kê khai đất của bà Đinh Thị B ở khu chợ ST thuộc thôn ĐB để làm dự toán đền bù. Sau đó ban quản lý dự án công trình giao thông có kiểm kê đất và tài sản trên đất của bà B tại khu chợ ST thuộc thôn ĐB. Qua kiểm kê đã xác định diện tích đất thu hồi của bà B có diện tích là 126 m². Nhưng sau đó chỉ thu hồi 28 m² đất và 01 cây nhãn. Số tiền đền bù là 42.500.000 đồng, lần 1 bà B đã nhận tiền đền bù là

10.460.000 đồng; sau đó do bà B đi viện sinh con thì số tiền còn lại là 32.040.000 đồng được ban quản lý dự án công trình giao thông trả cho ông Đinh Tuấn Đ là em trai bà B nhận mà không có ủy quyền nên bà Đinh Thị B đã khiếu nại. Thanh tra huyện đã vào cuộc và kết luận ban quản lý dự án công trình giao thông tỉnh Yên Bái trả tiền cho ông Đinh Tuấn Đ mà không có ủy quyền của bà B là không đúng, yêu cầu ban quản lý dự án công trình giao thông tỉnh Yên Bái thu hồi 32.040.000 đồng để trả lại cho bà B. Sau đó bà B đã được ban quản lý dự án công trình giao thông tỉnh Yên Bái trả lại 32.040.000 đồng.

Tháng 6-2006, tổ công tác của huyện VC đã kiểm tra đo đạc và lập biên bản, lập sơ đồ phúc tra đất thổ cư của gia đình ông Th tại thôn ĐB, xã ST với diện tích là 1.290 m². Lúc đầu bà B có tham gia, sau đó do bận nên bà B đi về, ai đó đã ký vào biên bản bà B không rõ.

Trong sơ đồ tổng thể đo đạc đất của gia đình ông Th thì có thể hiện phần đất của bà B có diện tích khoảng hơn 500 m² có các cạnh tiếp giáp như sau: Chiều dài theo mặt đường quốc lộ 32 là 15,4m, phía tây giáp đất nhà ông Th là 50,4m; phía đông giáp đất nhà ông N1 bà H1 là 52,4m; phía bắc giáp ruộng là 5 m; nhưng thửa đất này của bà B được ghi tên là ông C và bà B là không đúng vì ông C không phải là chồng bà B.

Năm 2013 bà Đinh Thị B đã nộp thuế sử dụng đất là 05 năm (từ 2012 - 2016) đối với thửa đất mà vợ chồng ông Th đã chuyển nhượng tại thôn ĐB, xã ST với số tiền là 800.000 đồng.

Bà Đinh Thị B đã nhiều lần gửi đơn khiếu nại về việc đất bị thu hồi nhưng không được đền bù khi xây dựng chợ ST. Sau đó UBND tỉnh Yên Bái đã điều chỉnh lại đất thu hồi làm chợ ST và trả lại đất chưa được đền bù cho dân trong đó có phần đất của bà B mà vợ chồng ông Th đã chiếm giữ từ năm 1997 đến nay.

Bà Đinh Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Th trả lại thửa đất đang chiếm dụng khoảng 502 m² tại khu vực giáp chợ ST thuộc thôn ĐB cũ nay là tổ dân phố ĐB, thị trấn ST, huyện VC.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm ông Đinh Tiến Th, bà Đinh Thị H trình bày:

Ông Đinh Tiến Th và vợ là Đinh Thị H có thửa đất tại thôn ĐB, xã ST có diện tích khoảng 1800 m², mặt phía trước tiếp giáp đường quốc lộ 32 là 45,6 m, một mặt giáp đất ông T1 là 32m, một mặt giáp với đất của ông N1 bà H1 là 52 m, phía sau giáp ruộng của hợp tác xã ST.

Về nguồn gốc thửa đất: Khoảng năm 1982, Hợp tác xã ĐB và hợp tác xã ST 2 hợp nhất. Khi đó Hợp tác xã ST 2 đã cấp cho bà Đinh Thị H đất thuộc khu vực kho của hợp tác xã ĐB, gồm: Nền nhà kho khoảng 40 m² và sân kho nền đất, xung quanh là vườn tạp cây cối.

Năm 1984 ông Đinh Tiến Th cùng bà Đinh Thị H đã khai phá, san lấp và sử dụng toàn bộ diện tích đất như đã nêu trên. Năm 1993 vợ chồng ông bà đã thế chấp 30 m đất mặt đường quốc lộ 32 với chiều sâu là 20 m và tài sản trên

đất tại thôn ĐB cho Ngân hàng Nông nghiệp huyện VC để vay số tiền là 9.800.000 đồng với thời hạn vay là 02 năm, sau đó được gia hạn vay từ năm 1995 đến năm 1997.

Năm 1997 huyện VC chuyển ra xã ST lấy đất làm huyện lỵ. Đất của gia đình ông Th, bà H tại thôn ĐB, xã ST thuộc diện giải tỏa, thu hồi quy hoạch để làm đường nhánh 9 và chợ ST. Lúc đó mỗi hộ chỉ được nhận 01 xuất đất để đền bù tái định cư. Do các con còn nhỏ chưa đủ điều kiện để đứng tên, nên gia đình ông Th, bà H có họp bàn và thống nhất phần đất không thể chấp cho Ngân hàng thì nhờ bà Đinh Thị B là em gái đứng tên hộ một ô đất với diện tích 126 m² trên đất có 01 căn nhà gỗ 02 gian và 01 cây nhãn. Nhờ ông Đinh Công C đứng tên 01 ô đất ở là 380 m² và 01 ô đất ao là 325 m².

Do không trả được nợ cho Ngân hàng nên khi làm đường nhánh 9 thì 30 m đất mặt đường quốc lộ 32 và tài sản trên đất đã thế chấp bị Ngân hàng kê biên. Ông Th, bà H chỉ được nhận tiền đền bù 30 m đất mặt đường quốc lộ 32 và số tiền này phải trả cho Ngân hàng.

Sau khi bị thu hồi 30 m đất mặt đường quốc lộ 32 thì vợ chồng ông Th, bà H không còn đất để ở nên huyện đã cấp cho ông bà 01 thửa đất đối diện cổng chợ ST. Đất ao là 325 m² nhờ ông C đứng tên bị thu hồi làm đường nhánh 9. Tiền đền bù đất ông C đã nhận và giao lại cho ông Th, bà H; Lô đất nhờ ông C đứng tên là 380 m² và lô đất nhờ bà B đứng tên là 126 m² thì bị quy hoạch vào đất chợ ST chưa được đền bù.

Sau năm 1997 thì vợ chồng ông Th, bà H không còn đất ở tại thôn ĐB, xã ST nữa mà chỉ còn hai lô đất đã nhờ ông C và bà B đứng tên hộ. Năm 2001 khi mở rộng và nâng cấp quốc lộ 32 thì Ban giải phóng mặt bằng đã tiến hành đo đạc kiểm kê thửa đất bà B đứng tên hộ có diện tích 126 m². Do bà B vắng mặt tại địa phương nên ông Th đã đứng ra kê khai 126 m² đất và tài sản trên đất lấy tên bà B để làm thủ tục đền bù. Sau đó thửa đất 126 m² chỉ bị thu hồi phần đất đường đi vào nhánh 9 là 28 m² và 01 cây nhãn với số tiền đền bù là 42.500.000 đồng, bà B nhận tiền lần 01 là 10.460.000 đồng đã giao lại cho ông Th. Số tiền còn lại là 32.040.000 đồng được Ban quản lý dự án công trình giao thông trả cho ông Đinh Tuấn Đ là em trai ông Th, bà B nhận hộ và ông Đ đã giao lại cho ông Th số tiền này.

Tháng 6-2006, Tổ công tác của huyện VC đo đạc và lập biên bản, sơ đồ phúc tra đất thổ cư của gia đình ông Th tại thôn ĐB, xã ST với diện tích đã bị thu hồi và được đền bù gồm 30m mặt đường Quốc Lộ 32 là 768m² và 325m² đất ao nhờ ông C đứng tên hộ. Phần đất còn lại ghi là đất của ông C và bà B mà vợ chồng ông Th bà H nhờ đứng tên có các hướng giáp ranh như sau: Phía trước tiếp giáp đường Quốc Lộ 32 có chiều dài là 15,4m tính từ đất ông bà N1 H1 đến đường nhánh 9, phía sau dài 5m, phía giáp đất ông bà N1 H1 dài 52,7m và phía tiếp giáp đường nhánh 9 dài 50,4m. Đến thời điểm này thì bà B mới biết diện tích đất và các hướng giáp ranh của mảnh đất mà vợ chồng ông Th nhờ bà

B và ông C đứng tên, còn trước đó thì bà B không biết vì bà B chưa ở trên thửa đất này ngày nào.

Tháng 5-2007 ông Đinh Công C đã có văn bản trả lại đất mà vợ chồng ông Th bà H đã nhờ ông C đứng tên. Đến tháng 6-2013 vợ chồng ông Th, bà H và vợ chồng ông bà N1 H1 đã thỏa thuận đổi đất, vợ chồng ông Th lấy sang đất ông bà N1 H1 để có chiều sâu và để cho ông bà N1 H1 10 mét mặt đường nhánh 9 tính từ phía sau thửa đất đi ra theo hướng ra Quốc lộ 32. Thửa đất ghi tên ông C và bà B tại thôn ĐB nay là tổ dân phố ĐB, thị trấn ST từ năm 1997 đến nay vẫn do vợ chồng ông Th bà H quản lý sử dụng.

Trước năm 2015 trên thửa đất tại thôn ĐB, xã ST mà ông Th nhờ bà B và ông C đứng tên hộ có một căn nhà gỗ hai gian do vợ chồng ông Th, bà H làm cho vợ chồng con gái là Đinh Thị T1 ở đó. Sau năm 2015 vợ chồng ông Th đã làm nhà và ki ốt cho thuê. Khi làm nhà và ki ốt thì chính quyền xã ST có nhắc nhở và yêu cầu gia đình ông Th giữ nguyên hiện trạng thửa đất mà bà B đang tranh chấp với vợ chồng ông bà.

Khi các con đã lớn vợ chồng ông Th yêu cầu bà B trả lại đất thì bà B không trả nên đã xảy ra tranh chấp. Ông Đinh Tiến Th và bà Đinh Thị H khẳng định không chuyển nhượng đất và không tặng cho đất bà B mà chỉ nhờ bà B đứng tên hộ.

Năm 1995 bà B đã thế chấp đất của bố mẹ ông Th (*đồng thời là bố mẹ bà B*) ở thôn Cửa Nhì, xã ST để vay 4.000.000 đồng của Ngân hàng Nông nghiệp huyện VC. Bà B trình bày đã nhờ ông Th làm thủ tục thế chấp đất mà bà B đã nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Th vay tiền ngân hàng là không đúng. Vì đất của vợ chồng ông Th từ năm 1993 đã thế chấp cho Ngân hàng là 30 mét mặt đường Quốc lộ 32, phần đất còn lại đất ao có 325m² sau này nhờ ông C đứng tên và đất ở khoảng hơn 500m² nhờ bà B và ông C đứng tên cộng lại chỉ hơn 800m², không đủ 2.000m² như bà B trình bày.

Nay bà B yêu cầu vợ chồng ông Đinh Tiến Th, bà Đinh Thị H trả lại thửa đất tại khu vực giáp chợ ST thuộc tổ dân phố ĐB, thị trấn ST, huyện VC mà vợ chồng ông bà đang quản lý, sử dụng thì ông bà không nhất trí.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm ông Đinh Công C trình bày:

Năm 1996 hoặc 1997 quy hoạch lấy khu vực xã ST xây dựng trung tâm huyện VC. Đất của gia đình ông Th tại khu vực thôn ĐB, xã ST thuộc diện quy hoạch làm đường nhánh 9 và chợ ST. Do các con của vợ chồng ông Th còn nhỏ. Ông Th có nhờ ông C đứng tên hai thửa đất, gồm một thửa đất ao và một thửa đất ở, hai thửa đất này có diện tích và ranh giới đất giáp ai thì ông C không rõ vì ông Th cùng Ban giải phóng mặt bằng huyện VC lập biên bản kiểm kê sau đó ông Th đưa cho ông ký vào biên bản. Thửa đất ao khi thanh toán đền bù thì ông mới biết là 325m². Ông là người ký giấy tờ để nhận tiền còn ông Th trực tiếp nhận tiền. Thửa đất ở còn lại mà Ban giải phóng mặt bằng huyện VC kiểm kê và dự toán đền bù ngày 18-02-1998 với diện tích là 392m² do Ban giải phóng

mặt bằng cùng ông Th kiểm kê, sau đó ông Th đưa cho ông ký nên ông không biết diện tích đất và tài sản trên đất đó ở vị trí như thế nào trên mảnh đất của gia đình ông Th. Ông Đinh Công C có nghe ông Th nói là nhờ bà B đứng tên một thửa đất trên diện tích đất của ông Th tại thôn ĐB, xã ST để lấy tiền đền bù nhưng ông không rõ diện tích và vị trí cụ thể.

Tháng 6-2006 đoàn phúc tra của huyện VC kiểm tra đối với thửa đất của gia đình ông Th tại thôn ĐB, xã ST, ông có tham gia và ký vào biên bản. Tại sơ đồ phúc tra đất của gia đình ông Th đã thể hiện phần đất còn lại được ghi tên ông (C) và bà B có diện tích và các hướng giáp ranh như bà B và ông Th đã trình bày.

Tháng 5-2007 ông Th đã viết giấy chứng nhận về việc đứng tên hộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất với nội dung ông trả lại 01 lô đất tại khu vực cổng chợ ST cho ông Th mà không ghi diện tích đất, không có hướng giáp ranh và ghi tài sản trên đất gồm 01 nhà gỗ cũ gia đình ông Th đang sử dụng rồi đưa cho ông, ông đã ký vào giấy chứng nhận. Đề nghị Tòa xem xét về phần đất mà ông Th nhờ ông đứng tên hộ thì ông đã trả lại cho vợ chồng ông Th. Về nguồn gốc đất thì khu đất bà H ông Th ở là đất kho của hợp tác xã ĐB, xã ST từ những năm 1981-1982 đến nay.

Tại biên bản lấy lời khai bà Hoàng Thị Ch trình bày: Năm 2013 gia đình bà Ch mua của ông N1, bà H1 diện tích 115m² đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng. Khi mua có giấy tờ mua bán viết tay, đất không có tranh chấp vì đây là đất ông N1 và bà H1 ở ổn định nhiều năm. Sau đó bà Ch đã bán lại diện tích đất này cho ông Nguyễn Văn N. Bà Hoàng Thị Ch không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ông Nguyễn Văn T trình bày: Năm 2013 gia đình ông Nguyễn Văn T mua của ông Trần Văn N1, bà Vũ Thị H1 diện tích 115m² đất, chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng, khi mua có giấy tờ mua bán viết tay, đất không có tranh chấp vì đây là đất ông N1 và bà H1 ở ổn định nhiều năm nên ông T mới mua, ông T xác định đất không liên quan đến bà Đinh Thị B, không nhất trí trả lại đất.

Tại biên bản lấy lời khai ông Nguyễn Văn N trình bày: Năm 2013 gia đình ông mua của ông Trần Bá L, bà Hoàng Thị Ch 115m² đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng. Khi mua có giấy tờ mua bán viết tay và cũng không biết là đất tranh chấp hay không vì đây là đất ông L và bà Ch mua lại của ông N1 và bà H1. Ông Nguyễn Văn N đã xây nhà cấp IV từ năm 2018 trên diện tích đất này, đề nghị Tòa án bảo vệ quyền lợi cho gia đình ông N1.

Tại biên bản lấy lời khai ông Nguyễn Thiên H2 trình bày: Năm 2013 gia đình ông mua của ông N1, bà H1 diện tích đất có chiều rộng mặt đường là 6m, sâu đến đất nhà anh chị HL. Diện tích cụ thể ông Nguyễn Thiên H2 không rõ vì giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay hiện do mẹ vợ ông H2 giữ, đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng. Khi mua ông không biết đất có tranh chấp hay không vì đây là đất mua lại của ông N1 và bà H1, không liên

quan đến tranh chấp đất đai. Để phần đất có lỗi đi ra, bà H1 đã trả cho ông Đinh Tiến Th 20.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ông Hà Đình Ngh trình bày: Khoảng năm 1982 giải thể hợp tác xã ĐB do ông Đinh Văn M làm chủ nhiệm để hợp nhất vào hợp tác xã ST 2. Sau khi giải thể hợp tác xã ĐB thì ông M là anh ruột bà Đinh Thị H đã cho vợ chồng ông Th bà H đến ở trên đất kho hợp tác xã ĐB. Năm 1993 vợ chồng ông Th đã thế chấp nhà và đất tại thôn ĐB, xã ST cho Ngân hàng nông nghiệp huyện VC để vay tiền.

Năm 1995 ông là Chủ tịch UBND xã ST và kiêm Trưởng ban giải phóng mặt bằng xây dựng huyện VC tại xã ST. Năm 1997 Hội đồng giải phóng mặt bằng kiểm kê đất và tài sản trên đất của vợ chồng ông Th tại thôn ĐB, xã ST. Khi kiểm kê thì thấy thửa đất của vợ chồng ông Th hiện có các chủ sử dụng đất kê khai gồm: Ông Đinh Tiến Th, ông Đinh Công C và bà Đinh Thị B. Việc ông C, bà B có tên chủ sử dụng đất ở đây vì lý do gì thì ông không biết. Do vợ chồng ông Th không trả được nợ nên sau khi kiểm kê thì Ngân hàng đã kê biên, ông Th nhận tiền bồi thường về nhà và đất trả cho Ngân hàng nhưng cũng không đủ để trả gốc và lãi.

Sau khi vợ chồng ông Th bị thu hồi hết đất tại thôn ĐB, xã ST thì không còn đất để ở nên Hội đồng thanh lý đã cấp lại cho gia đình ông Th một lô đất có chiều dài theo mặt đường Quốc lộ 32 là 5 mét đối diện với cổng chợ ST bây giờ và Hội đồng thanh lý cũng cấp 5.000.000 đồng cho gia đình ông Th để trả tiền thừa đất này.

Về đất của ông C năm 1997 đã được nhà nước đền bù là đất ao. Theo biên bản kiểm kê và dự toán đền bù ngày 18-02-1997 mà Hội đồng giải phóng mặt bằng đã ký với bà Đinh Thị B với diện tích đất 240m² nằm trong diện quy hoạch giao thông nhánh 9. Đối với biên bản kiểm kê và dự toán đền bù ngày 18-02-1998 mà Hội đồng giải phóng mặt bằng đã ký với ông Đinh Công C với diện tích đất 392m² cùng tài sản hoa màu. Hội đồng giải phóng mặt bằng ký vào biên bản kiểm kê và dự toán đền bù của bà B và ông C là để làm dự toán chứ chưa kiểm tra thực địa. Sau đó đất của bà B và ông C nằm trong quy hoạch chợ ST mà chưa được đền bù.

Sau năm 1997 thì vợ chồng ông Th không còn đất tại thôn ĐB nữa, phần đất còn lại tại thôn ĐB, xã ST là của bà Đinh Thị B và ông Đinh Công C. Năm 2001 khi tiến hành giải phóng mặt bằng cải tạo mở rộng Quốc lộ 32 đoạn qua xã ST thì ông Th đã kê khai đất và tài sản trên đất của bà B tại thôn ĐB và bà B đã được Nhà nước đền bù. Thửa đất mà ông Th đang quản lý sử dụng hiện nay tại Tổ dân phố ĐB (*thôn ĐB, xã ST cũ*), thị trấn ST là đất của bà Đinh Thị B và ông Đinh Công C.

Theo bản đồ địa chính năm 2004 do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Yên Bái phê duyệt: Tại thửa đất 294 và 300 (*tên tờ bản đồ gốc 386 479-3-b xã ST, quyển số 01, tờ bản đồ số 10*) do UBND xã ST (*nay là thị trấn ST quản lý*) thửa số 294 có diện tích 274,5m² chưa trừ hành lang giao thông sau khi trừ còn

236,4m²; thửa số 300 có diện tích 244,4m² chưa trừ hành lang giao thông sau khi trừ còn 167,2m²

Tổng diện tích của cả hai thửa là 518,9m² trừ hành lang giao thông còn 303,6m².

Theo sơ đồ tổng thể đo đạc phức tra ngày 27-6-2006 của Tổ công tác huyện VC đối với đất thổ cư của hộ ông Đinh Tiến Th thì phần đất tiếp giáp với đất hộ ông Th có ghi tên ông C và bà B có các hướng như sau: Phía trước tiếp giáp mặt đường quốc lộ 32 là 15,4m, phía sau dài 5m; phần tiếp giáp với đất của ông Th là 50,4m; phần tiếp giáp với đất của ông N1 là 52,4m.

Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ về thửa đất đang tranh chấp giữa bà Đinh Thị B với ông Đinh Tiến Th, bà Đinh Thị H tại thôn ĐB (*nay là tổ dân phố ĐB thị trấn ST*). Căn cứ vào kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Công ty Cổ phần tư vấn dịch vụ tài nguyên và môi trường Tây Bắc tỉnh Yên Bái ngày 19-12-2020 thấy rằng: Hiện gia đình ông Th đang quản lý và sử dụng 02 thửa đất liền kề nhau; gồm: 01 thửa đất có diện tích 389,2m² đang tranh chấp và 01 thửa đất không tranh chấp có diện tích 166,5m². Khi thẩm định tại chỗ thì bà B chỉ dẫn diện tích đất tranh chấp là 1 thửa đất có diện tích 389,2 m² và 01 thửa đất có diện tích 127,5m². Tổng diện tích đất tranh chấp là 516,7m².

Tòa án đã xác minh làm rõ thửa đất đang tranh chấp giữa bà Đinh Thị B với ông Đinh Tiến Th, bà Đinh Thị H là đất ở chỉ có trong sổ địa chính của UBND thị trấn ST, không nằm trong quy hoạch chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do tranh chấp nhiều năm.

Tòa án đã tiến hành phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 29-3-2022 nhưng cả nguyên đơn và bị đơn đề nghị không hòa giải nên hòa giải không thành.

Tóm tắt về quá trình giải quyết vụ án:

- Tại bản án Dân sự sơ thẩm số: 02/2021/DS-ST ngày 29-6-2021 của Tòa án nhân dân huyện VC, tỉnh Yên Bái nhận định:

Không có căn cứ để xác định bà Đinh Thị B đã nhận chuyển nhượng diện tích đất đang tranh chấp từ ông Đinh Tiến Th, bà Đinh Thị H.

Không có căn cứ để xác định bà Đinh Thị B đã sử dụng diện tích đất tranh chấp để thế chấp vay vốn từ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn năm 1995.

Việc đền bù giải phóng mặt bằng cho bà Đinh Thị B tại thời điểm năm 2001 là không đúng quy định của pháp luật.

Không có căn cứ để xác định năm 2013 bà Đinh Thị B nộp thuế đất phi nông nghiệp trên diện tích đất đang tranh chấp.

Từ những nhận định trên, quyết định: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị B về việc yêu cầu ông Đinh Tiến Th và bà Đinh Thị H trả lại diện tích đất đang có tranh chấp.

Ngày 12-7-2021 nguyên đơn, bà Đinh Thị B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Tại bản án dân sự phúc thẩm số: 11/2021/DS-PT ngày 08-9-2021 của Toà án nhân dân tỉnh Yên Bái nhận định:

Về tố tụng: Bản án dân sự sơ thẩm không đưa bà Đinh Thị H vào tham gia tố tụng với tư cách là đồng bị đơn cùng với ông Đinh Tiến Th và không đưa những người đang sử dụng diện tích đất có tranh chấp bao gồm: ông Đỗ Văn T1; ông Trần Bá L và ông Nguyễn Đức H3 cũng như Văn phòng đăng ký đất đai và phát triển quỹ đất huyện VC vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng do thiếu người tham gia tố tụng trong vụ án.

Về nội dung: Cấp sơ thẩm chưa thu thập, xác minh đầy đủ chứng cứ để xác định việc thu hồi đất của bà Đinh Thị B vào các năm 1997 và 2001, chưa làm rõ vị trí thửa đất trên thực địa? Chưa làm rõ việc quản lý và quy hoạch sử dụng diện tích đất tranh chấp của chính quyền địa phương hiện nay?

Từ những nhận định trên, quyết định: Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, bà Đinh Thị B. Huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm số: 02/2021/DS-ST ngày 29-6-2021 của Toà án nhân dân huyện VC, tỉnh Yên Bái. Chuyển hồ sơ cho Toà án nhân dân huyện VC giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2022/DS-ST ngày 14-4-2022 của Toà án nhân dân huyện VC, tỉnh Yên Bái nhận định:

- Không có cơ sở để khẳng định bà Đinh Thị B đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Đinh Tiến Th, bà Đinh Thị H; Không có căn cứ để xác định việc bà Đinh Thị B đã sử dụng đất có tranh chấp để thế chấp vay vốn ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện VC; Không có căn cứ để xác định bà Đinh Thị B đã nộp thuế sử dụng đất đối với diện tích đất có tranh chấp; Năm 2001, khi đất đang có tranh chấp giữa ông Đinh Tiến Th và bà Đinh Thị B nhưng Ban giải phóng mặt bằng đã xác định một phần đất tranh chấp là của bà Đinh Thị B nên đã đền bù cho bà B số tiền 42.500.000 đồng là không đúng.

Từ những nhận định trên, quyết định: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị B về việc yêu cầu ông Đinh Tiến Th và bà Đinh Thị H trả lại diện tích đất đang có tranh chấp.

Ngày 25-4-2022 nguyên đơn, bà Đinh Thị B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn bà Đinh Thị B trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo với các lý do: Diện tích đất đang tranh chấp là do bà B đã nhận chuyển nhượng lại từ ông Đinh Tiến Th, bà Đinh Thị H từ năm 1991; Năm 1995 bà đã sử dụng diện tích đất này để thế chấp vay vốn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện VC với số tiền vay là 4.000.000 đồng. Tuy không trực tiếp sử dụng đất nhưng bà đã nộp thuế sử dụng đất trong 05 năm, từ 2012 đến 2016. Năm 1997 và năm 2001, bà đã được Nhà nước đền bù một phần đất bị thu hồi làm chợ và đường giao thông. Vì vậy việc Toà án cấp sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà là không đúng. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xét xử lại và công nhận quyền sử dụng đất cho bà.

Bị đơn, ông Đinh Tiến Th, bà Đinh Thị H trình bày: Không nhất trí với nội dung bà Đinh Thị B đã nêu. Diện tích đất có tranh chấp nguyên là đất của Hợp tác xã đã giao cho ông bà sử dụng từ năm 1982 đến nay. Không có việc ông bà chuyển nhượng cho bà Đinh Thị B diện tích đất này. Năm 1997, do để được hưởng thêm đất tái định cư khi bị Nhà nước thu hồi đất, gia đình ông bà đã nhờ bà B và ông Đinh Công C đứng tên hộ 02 lô đất trong diện tích bị thu hồi giải phóng mặt bằng. Sau đó ông C đã giao lại toàn bộ tiền đền bù giải phóng mặt bằng và trả lại cho ông bà diện tích đất ông bà nhờ đứng tên. Còn bà Đinh Thị B đã lợi dụng việc ông nhờ đứng tên để tranh chấp tiền đền bù. Khi ông Th, bà H đòi lại đất nhờ đứng tên hộ thì phát sinh tranh chấp. Ông Đinh Tiến Th, bà Đinh Thị H đề nghị Toà án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Đinh Thị B, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 24-4-2022 của Toà án nhân dân huyện VC.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái có ý kiến: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm. Thủ tục phiên tòa đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định và hợp lệ. Về nội dung vụ án, qua nghiên cứu hồ sơ Viện kiểm sát nhận thấy: Nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Đinh Thị B về việc yêu cầu ông Đinh Tiến Th bà Đinh Thị H phải trả lại diện tích đất có tranh chấp là không có cơ sở. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2022/DS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện VC, tỉnh Yên Bái.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí cho bà Đinh Thị B.

Các đương sự không tranh luận gì thêm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Toà án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp quyền sử dụng đất và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 9 Điều 26 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của nguyên đơn làm trong thời hạn kháng cáo, đúng, đủ về hình thức và nội dung. Nên kháng cáo của nguyên đơn là hợp lệ.

Toà án cấp sơ thẩm đã khắc phục các vi phạm về tố tụng đã nêu trong Bản án dân sự phúc thẩm số: 11/2021/DS-PT ngày 08-9-2021 của Toà án nhân dân tỉnh Yên Bái. Đã đưa bà Vũ Thị H1; ông Nguyễn Thiên H2; ông Nguyễn Văn N; ông Nguyễn Văn T và ông Đinh Công C vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là đủ người tham gia tố tụng.

Theo Quyết định số: 1320/QĐ-UB ngày 30-12-1999 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái đã thu hồi 8.992,0m² đất tại thôn HS để giao cho Ủy ban nhân dân xã ST quản lý. Tại Quyết định số: 2186/QĐ-UB ngày 23-10-2015 của

Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái đã thu hồi 1.674,3m² đất (*Trong tổng số 8.992,0m² đất đã giao cho Ủy ban nhân dân xã ST*). Giao cho Văn phòng đăng ký đất đai và phát triển quỹ đất huyện VC quản lý. Theo Quyết định số: 1520/QĐ-UBND ngày 27-7-2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái đã điều chỉnh nội dung Quyết định số: 1320/QĐ-UB ngày 30-12-1999. Chỉ thu hồi 7.094,9m² đất nông nghiệp để giao cho Ủy ban nhân dân xã ST để xây dựng chợ. Đối với diện tích 1.897,1m² của các hộ gia đình, trước đây đã thu hồi theo Quyết định số: 1320/QĐ-UB ngày 30-12-1999 được đưa ra khỏi diện tích đất bị thu hồi và tổ chức lập, xét duyệt hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân.

Như vậy, đối với diện tích đất đang có tranh chấp, theo nội dung Quyết định số: 1520/QĐ-UBND ngày 27-7-2021 nêu trên thì không còn liên quan đến Ủy ban nhân dân thị trấn ST và Văn phòng đăng ký đất đai và phát triển quỹ đất huyện VC nữa. Nên việc Tòa án cấp sơ thẩm không xác định các đơn vị này là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp: Theo lời khai của các đương sự; lời khai của người làm chứng Hà Đình Ngh; Vũ Đình Kh và Công văn số 73a/UBND ngày 07-4-2021 của Ủy ban nhân dân thị trấn ST thể hiện: Năm 1982, Hợp tác xã DB giải thể và nhập vào Hợp tác xã ST 2. Khi đó Chủ nhiệm Hợp tác xã đã giao cho bà Đình Thị H sử dụng phần diện tích đất nhà kho của Hợp tác xã tại khu vực giáp chợ ST hiện nay.

Như vậy, có cơ sở để khẳng định: Diện tích đất có tranh chấp là một phần trong tổng diện tích đất của bà Đình Thị H được Hợp tác xã giao cho sử dụng từ năm 1982.

[2.2] Về quá trình sử dụng đất: Theo lời khai của bị đơn, ông Đình Tiến Thvà bà Đình Thị H thể hiện: Gia đình ông bà được Hợp tác xã DB giao cho sử dụng diện tích đất kho của Hợp tác xã từ năm 1982 và đã trực tiếp sử dụng từ đó đến nay. Trong quá trình sử dụng đất, năm 1993 gia đình ông đã sử dụng diện tích đất này thế chấp để vay vốn Ngân hàng Nông nghiệp huyện VC. Năm 1997, một phần diện tích đất của gia đình ông bà nằm trong quy hoạch mở rộng đường Quốc lộ 32 và đường nhánh 9. Do diện tích đất của gia đình ông rộng, các con còn nhỏ chưa thể tách ra hộ riêng nên ông Đình Tiến Th đã nhờ em gái là Đình Thị B (Đình Thị BY) và em con chú là Đình Công C đứng tên hộ một phần đất với mục đích được nhận thêm đất tái định cư. Cũng trong năm 1997, do không trả được nợ nên phần đất còn lại và tài sản trên đất của gia đình ông bị Ngân hàng kê biên. Phần đất nhờ ông C, bà B đứng tên thì Nhà nước thu hồi một phần, phần còn lại gia đình ông vẫn sử dụng cho đến nay.

Lời khai của các bị đơn phù hợp với lời khai của những người làm chứng Đình Công C, Nguyễn Duy Lê, Vũ Đình Chính. Phù hợp với nội dung Công văn số: 73a/UBND ngày 07-4-2021 của Ủy ban nhân dân thị trấn ST về người sử dụng đất thực tế. Tại phiên toà, bà Đình Thị B cũng thừa nhận kể từ sau khi

nhận chuyển nhượng đất từ gia đình ông Đinh Tiến Th, bà cũng chưa bao giờ sử dụng đất mà vẫn để gia đình ông Th, bà H sử dụng cho đến nay.

Vì vậy, có đủ cơ sở để xác định ông Đinh Tiến Th, bà Đinh Thị H là người sử dụng đất thực tế từ năm 1982 đến nay. Bà Đinh Thị B và ông Đinh Công C chưa bao giờ sử dụng diện tích đất này.

[2.3] Theo đơn khởi kiện ngày 15-5-2019, Biên bản lấy lời khai ngày 11-3-2020 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Đinh Thị B đều khai nội dung: ... *“...năm 1991 tôi mua đất của vợ chồng anh Đinh Tiến Th và Đinh Thị H...năm 1995 tôi nhờ ông Th làm thủ tục thế chấp đất gồm 2000m² đất và một ngôi nhà để vay số tiền 4.000.000 đồng, đây là diện tích ông Th bán cho tôi để vay tiền ngân hàng...năm 2013 tôi đã nộp thuế sử dụng đất trong 05 năm (Từ 2012-2016) đối với thửa đất ông Th chuyển nhượng cho tôi...”*. Lời khai này của bà Đinh Thị B không được phía bị đơn là ông Đinh Tiến Th, bà Đinh Thị H công nhận. Bà Đinh Thị B cũng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc mua bán, chuyển nhượng đất giữa bà với gia đình ông Th, bà H. Nên không có căn cứ để khẳng định bà Đinh Thị B đã nhận chuyển nhượng diện tích đất này từ ông Đinh Tiến Th.

Tại Công văn số 118/NHNo.VC-KHKD ngày 01-11-2020 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Văn Chấn cung cấp:... *“...ngày 17-3-1995 ngân hàng nông nghiệp huyện VC đã thực hiện khế ước vay tiền số 23 với bà Đinh Thị BY...thời hạn cho vay là 12 tháng...số tiền vay 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng chẵn)...thế chấp tài sản vay vốn là 01 mảnh đất với diện tích 2.000m² và 01 nhà gỗ 03 gian lợp ngói; Chủ mảnh đất là bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ bà Đinh Thị BY). Địa chỉ thửa đất tại thôn Cửa Nhì, xã ST, huyện VC”*. Tại lời khai của người làm chứng là ông Hà Hữu Th1 - nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ST thể hiện:... *“Năm 1995 bà Đinh Thị BY (Đinh Thị B) là người khai thế chấp thửa đất diện tích 2.000m² và 01 nhà gỗ 03 gian, các tài sản này là của ông V, bà L là bố mẹ đẻ của bà B. Đất và nhà ở tại thôn BL, xã ST...”*.

Như vậy việc bà Đinh Thị B khai đã sử dụng thửa đất hiện đang có tranh chấp với ông Đinh Tiến Th để thế chấp vay vốn ngân hàng năm 1995 là không đúng.

Tại Công văn số 372/CCT-NVQLT ngày 30-9-2020 của Chi cục Thuế khu vực NV-TT cung cấp:... *“Thông tin về thửa đất (ở tại khu vực chợ ST) thuộc thôn ĐB, thị trấn ST, huyện VC. Tính đến thời điểm nhận được yêu cầu cung cấp thông tin, hộ gia đình bà Đinh Thị B chưa kê khai tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, do đó chi cục Thuế không có căn cứ tính thuế và chưa quản lý thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với thửa đất này theo quy định”*. Với nội dung này, việc bà Đinh Thị B khai đã đóng thuế sử dụng đất đối với diện tích đất đang có tranh chấp là không chính xác.

[2.4] Theo lời khai của bà Đinh Thị B thể hiện: Năm 2001 và 2002 Ủy ban nhân dân huyện VC đã nhiều lần kiểm tra đất đai và công nhận là đất của bà.

Khi mở rộng Quốc lộ 32 đã lấy vào đất của bà 28m² đất và đã đền bù cho bà làm 02 lần... hiện tại còn khoảng hơn 500m² ông Th đang chiếm dụng.

Lời khai này của bà Đinh Thị B không được ông Đinh Tiến Th, bà Đinh Thị H công nhận. Không phù hợp với lời khai của ông Đinh Công C là người cùng đứng tên chủ sử dụng đất trong Biên bản làm việc ngày 27-6-2006 do ông C và bà B cùng ký tên xác nhận, có nội dung: “...năm 1997 được ông Th nhờ đứng tên hộ một lô đất...và có nghe ông Th nói có nhờ bà B đứng tên hộ một lô đất...”

Ông Th, bà H khai: Năm 1997, do đất của gia đình ông nằm trong diện bị thu hồi giải phóng mặt bằng mở rộng Quốc lộ 32 và mở chợ ST. Vì các con còn nhỏ chưa tách hộ được. Nên ông bà đã nhờ em gái là bà Đinh Thị B và em con chú là Đinh Công C đứng tên hộ 02 thửa đất với mục đích để được đền bù giải phóng mặt bằng và được cấp thêm đất tái định cư.

Lời khai này của ông Đinh Tiến Th phù hợp với lời khai của ông Đinh Công C về việc được ông Th nhờ đứng tên hộ 01 mảnh đất. Sau đó ông C đã nhận tiền bồi thường và giao tiền cho ông Th. Số đất còn lại không bị thu hồi, ông C đã làm Giấy chứng nhận đứng tên hộ quyền sử dụng đất và tài sản để trả lại cho ông Đinh Tiến Th vào ngày 05-5-2007.

[2.5] Vào ngày 16-6-2005, bà Đinh Thị B được Ban quản lý dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 32 thanh toán tiền đền bù giải phóng mặt bằng đối với đất đai, nhà cửa, hoa màu phải di dời và bị thu hồi. Với số tiền là 76.610.000 đồng, số tiền này ban đầu ông Đinh Tuấn Đ là em trai bà nhận sau đó bà đã khiếu kiện và được Ủy ban nhân dân huyện giải quyết buộc ông Đinh Tuấn Đ trả lại.

Bà Đinh Thị B cho rằng đây là căn cứ để xác định bà là chủ sử dụng đối với diện tích đất đang có tranh chấp. Tuy nhiên, việc được Ban quản lý dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ 32 lập dự toán và sau đó đền bù trị giá đất và việc Ủy ban nhân dân huyện VC giải quyết tranh chấp buộc ông Đinh Tuấn Đ phải trả lại số tiền đền bù cho bà không phải là quyết định giải quyết tranh chấp đất đai. Vì vậy việc được nhận tiền đền bù giải phóng mặt bằng không phải là căn cứ để xác định người được nhận tiền đền bù đồng thời là chủ sử dụng đất nên không làm phát sinh các quyền của chủ sử dụng đất theo quy định tại các Điều 100 và 166 Luật Đất đai.

[3.] Về nội dung kháng cáo: Với các nội dung đã phân tích nêu trên thấy rằng: Không có tài liệu, chứng cứ thể hiện bà Đinh Thị B có căn cứ để được xác lập quyền dân sự đối với diện tích đất đang có tranh chấp theo quy định tại Điều 8 Bộ luật dân sự. Không có căn cứ thể hiện bà Đinh Thị B là chủ sử dụng đất hợp pháp theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai; Bà Đinh Thị B cũng không phải là chủ sử dụng đất thực tế và không thuộc một trong các trường hợp đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 18 và Điều 20 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ.

Vì vậy việc Toà án nhân dân huyện VC không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị B là có cơ sở. Tại phiên toà phúc thẩm, bà Đinh Thị B không đưa ra được thêm tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào quy định của khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, giữ nguyên bản án Dân sự sơ thẩm số: 03/2022/DS-ST ngày 14-4-2022 của Toà án nhân dân huyện VC, tỉnh Yên Bái.

[4] Về án phí: Bà Đinh Thị B là cá nhân thuộc hộ nghèo, đã có đơn đề nghị miễn án phí. Vì vậy, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 -12 - 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Đinh Thị B được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Các nội dung khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147; Điều 293 và khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 8 Bộ luật Dân sự. Các Điều 100; 166 Luật Đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, bà Đinh Thị B (Đinh Thị BY). Giữ nguyên bản án Dân sự sơ thẩm số: 03/2022/DS-ST ngày 14-4-2022 của Toà án nhân dân huyện VC, tỉnh Yên Bái, như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị B (Đinh Thị BY) về việc yêu cầu ông Đinh Tiến Th và bà Đinh Thị H phải trả lại thửa đất có tổng diện tích là 516,7m² tại thôn ĐB (*nay là tổ dân phố ĐB*) thị trấn ST, huyện VC, tỉnh Yên Bái.

2. Bà Đinh Thị B phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.100.000 đồng (*Ba triệu một trăm nghìn đồng*). Bà Đinh Thị B đã nộp đủ số tiền này.

3. Về án phí: Bà Đinh Thị B được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- TAND huyện VC.
- Các đương sự
- THA Dân sự huyện VC.
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS, TA . (15b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THÂM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Dũng